

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TỬ

NAME (Ten Tu-nhan)

PHAM VAN TY

DATE, PLACE OF BIRTH
(Nam, noi sinh)

Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
01 13 1947
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu)

Male (Nam): NAM Female (Nu):

MARITAL STATUS

(Tinh trang gia dinh):

Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): CO

ADDRESS IN VIETNAM

(Dia chi tai Viet-Nam)

46 KHOM 4 PHUONG 7 TH XA BEN TRE
TINH BEN TRE

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) CO No (Khong)

If Yes (Heu co): From (Tu): 05-05-75 To (Den): 20-01-82

PLACE OF RE-EDUCATION:
CAMP (Trai tu)

TRAI HUONG MY - TRAI BEN THANH - K20 - TINH BEN TRE

PROFESSION (Nghe nghiep):

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN)

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN)

TRUNG UY BLUNCH S QUAN 68/003247
Position (Chuc vu):

Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP):

Yes (Co): CO

IV Number (So ho so):

No (Khong): KHONG

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):

46 KHOM 4 PHUONG 7
TH XA BEN TRE TINH BEN TRE

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co):

No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don hay):

DATE:

11 18 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

PHAM VAN TY

Signature

46 KHOM 4 PHUONG 7 TH XA BEN TRE
TINH BEN TRE

PHẠM VĂN TỰ

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES

RELATIONSHIP TO
PA.

01 NGUYEN THI HAI

05-7-49

५०

02 PHẠM MINH TUẤN

01-02-84

பெ

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- Gia đình tôi thành thật biết ơn.
 - Mong tin tốt báo.

Hồ ở đình Kêu

- Od giáng ra trái

- ở gần quê hương xã cũ

- od giầy công nhân kết hôn.

- 01 giầy công nhân tại nhà.
- 01 giầy khai sinh PHẠM VĂN TỰ
- 01 giầy khai sinh NGUYỄN THỊ

- 01 gậy Khai sơn và 01
01 NGUYỄN THỊ HAI

PHẠM MINH TUÂN.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : PHAM - VAN TY
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 04 13 1947
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : NAM Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : Co
(Tinh trang gia dinh)

ADDRESS IN VIETNAM : 46 KHOM 4 PHUONG 7 THI XA BEN TRE
(Dia chi tai Viet-Nam) TINH BEN TRE

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VII hay khong) : Yes (Co) Co No (Khong) : _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 05-05-75 To (Den) : 20-01-82

PLACE OF RE-EDUCATION : TRAI HUONG MY - TRAI BEN THANH - K20 BEN TRE
CAMP (Trai ty)

PROFESSION (Nghe nghiep) : _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VI ARMY (Quan doi VII) Rank (Cap bac) : TRUNG UY QUYNH 85 QUON 67/003247
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : Co No (Khong) : _____
IV Number (So ho so) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 02 (Hai)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VII (Dia chi lien lac tai VII) : 46 KHOM 4 PHUONG 7
THI XA BEN TRE TINH BEN TRE

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VII) : _____

NAME & SIGNATURE : _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai, cua nguoi dien don hay)

DATE : 11 18 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

PHAM VAN TY lhanh " 46 KHOM 4 PHUONG 7 THI XA BEN TRE
TINH BEN TRE

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHẠM VĂN TỰ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01 NGUYỄN THỊ HAI	05-7-49	vợ
02 PHẠM MINH TUẤN	01-02-84	con

-DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- Gia đình từ thành phố biết ơn.
- Mong tin hội báo -

- Hồ sơ đính kèm -

- 01 giấy ra tại
- 01 giấy quyết định xã chế
- 01 giấy Công nhận kết hôn.
- 01 giấy khai sinh PHẠM VĂN TỰ
- 01 " " " NGUYỄN THỊ HAI
- 01 " " " PHẠM MINH TUẤN

SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-02/20, ban hành theo Quyết định số 2665 ngày 04 tháng 12 năm 1972

Trại _____
Số _____ GRT

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án vãn, quyết định tha số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh _____

Họ, tên thường gọi _____

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm _____

Nơi sinh _____

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt _____

Cao tị _____

Bị bắt ngày _____ năm _____

Theo quyết định, án vãn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ tháng

Nay về cư trú tại _____

Nhận xét quá trình cải tạo

Lấn tay nguyên trở phải

Chữ _____

Đánh bản số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Chau Anh

ngày _____ tháng _____ năm 196 _____



... NHAN DÂN TỈNH
BẾN TRE
oCo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

S. 137 / 15-QU

Bến Tre, Ngày 19 tháng 04 năm 1987

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

V/v Giải chế cho Số Đối Tượng Hết
Thời Gian Quản Chở Tại Địa Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ Luật tổ chức Hội Đồng Nhân Dân và UBND
được Hội Đồng Nhà Nước Ủy Ban Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt
Nam công bố ngày 09 tháng 07 năm 1983.

- Căn cứ sắc lệnh số 175/SL ngày 18 tháng 06/ 1953
của Chủ tịch Nước.

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND *Lêhi xã - Bến Tre*.
Xét thời độ cải tạo của: *Phạm Văn Tây*
Tham tội: *Trưng uy* chức vụ *phân chi khu vực*
Sắc lệnh: *trai phòng quân*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giải chế cho: *Phạm Văn Tây*.
Sinh năm: *1947*. Hiện thường trú:
ở xã Lêhi xã - Bến Tre.
Tỉnh Bến Tre

Điều 2: *Phạm Văn Tây* kể từ nay được hưởng
quyền lợi, nghĩa vụ một công dân Nước
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa VIỆT NAM.

Điều 3: Các Đồng chí: Chánh Văn Phòng UBND Tỉnh
Chủ tịch Ủy ban nhân dân *Lêhi xã - Bến Tre* và
Phạm Văn Tây chịu thực hiện quyết định này. *THÀNH*

Hết Nhấn

- TT-UBND tỉnh: các
- Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh
- Giám Đốc CA
- Ban Nội Chính Tỉnh Ủy
- Thư điều 3 "để thi hành"
- Lưu (văn phòng)

oCo



Trần Văn Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường MỸ HOÁ
Huyện, quận THỊ XÃ
Tỉnh, Thành phố BẾN TRE
e0e

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do hạnh phúc

Mẫu số HT12/P3
QĐ số
Ngày 05/01/63
Số 94
Quyển số 01

() LẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên PHẠM VĂN TỶ

NGUYỄN THỊ HAI

Bí danh

Sinh ngày tháng 13-01-1.947

05. 7 . 1.949

Năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp Làm ruộng

Công nhân viên

Nơi đăng ký Xã Mỹ Hoá

Xã Mỹ Hoá

Nhân khẩu

Thường trú 4/46 Xã Mỹ Hoá

184 Xã Sơn Đông

Số giấy chứng minh nhân dân

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 05 tháng 01 năm 1.983

Người chồng ký
(đã ký)

Người vợ ký
(đã ký)

TM.UBND Xã Mỹ Hoá
UVTC
(đã ký)

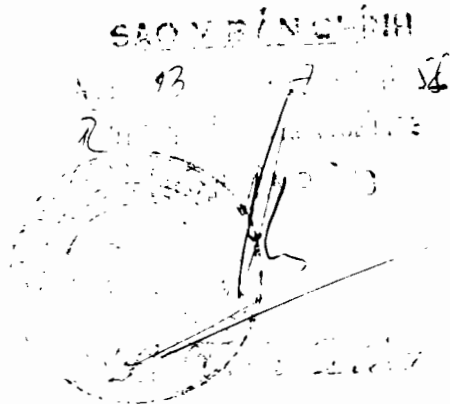
PHẠM VĂN TỶ

NGUYỄN THỊ HAI

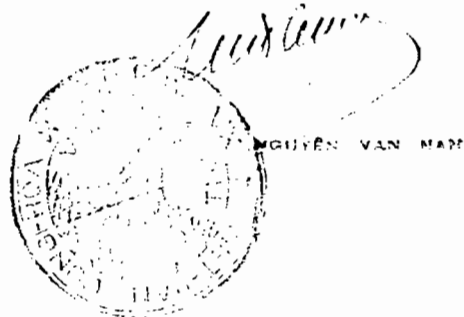
HUYỀN THỊ VÂN

SAO Y BẢN CHÍNH

SAO Y BẢN CHÍNH



Sao lục y bộ đời.
An-hoi, ngày 15.6.1959.
Thị trấn Hồ. Tỉnh.



Tên, họ ấu nhi : Phạm văn Eui
 Phái : Masculin
 Sinh : 13 Janvier 1947
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại : An-hoi 1 Bảo-hiến 1 Bể-tru
 Cha : Phạm văn Mèo
 (Tên, họ)
 Tuổi : "
 Nghề : Làm ruộng
 Cư-trú tại : An-hoi 1 Bảo-hiến 1 Bể-tru
 Mẹ : Đoàn thị E
 (Tên, họ)
 Tuổi : "
 Nghề : Ménagère
 Cư-trú tại : An-hoi 1 Bảo-hiến 1 Bể-tru
 Vợ : Đoàn Thị Rang
 (chánh hay thứ)
 Người khai : Phạm văn Mèo
 (Tên, họ)
 Tuổi : Quarante six ans
 Nghề : Cultivateur
 Cư-trú tại : An-hoi 1 Bảo-hiến 1 Bể-tru
 Ngày khai : "
 Người chứng thứ nhất : Phạm văn Mèo
 (Tên, họ)
 Tuổi : Quarante un ans
 Nghề : Cultivateur
 Cư-trú tại : An-hoi 1 Bảo-hiến 1 Bể-tru
 Người chứng thứ nhì : Phạm văn Côn
 (Tên, họ)
 Tuổi : trente sept ans
 Nghề : Cultivateur
 Cư-trú tại : An-hoi 1 Bảo-hiến 1 Bể-tru

Lập tại xã An-hoi, ngày 15 Janvier 1947.

Người khai,

Hộ-lợi,

Nhân-chứng,

Thy' tên

Phạm văn Mèo

Thy' tên

Lê sanh Eui

Le Maire

đóng dấu

Ký tên

Mèo

Kon

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH xã Mỹ-thành
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Kiên-hòa (NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1949
(Année)

SỐ HIỆU 21
(Acte No)

Ấn số 36-1949

ngày 16-3-1950

của Tòa H.G.R.Q.

Kiên-hòa đã

sửa tờ khai

của H uyển-thị

Hai số 21 10P

xã Mỹ-thành

12-7-1949 như

sau:

"Huỳnh-thị-

Hai sửa lại là

Nguyễn-thị-Hai

Bentre, ngày

23-4-56.

Chánh Lục-sự,

Ấn-ký:

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh-thị-Hai
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 5 Juillet 1949
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Mỹ-thành, Bão-ngãi, Bentre
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Giỏi
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Mỹ-thành, Bão-ngãi, Bentre
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Huỳnh-thị-Hên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Cây gặt
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Mỹ-thành, Bão-ngãi, Bentre
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariee)	Vợ chánh

Chúng tôi, — Ngô-phương-trường

(Nous)

Chánh-án Tòa H.G.R.Q. Kiên-hòa

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông — Nguyễn-văn-Tý

(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.

(Greffier en chef du tribunal).

Kiên-hòa, ngày 11-11-1963

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

Kiên-hòa, ngày 11-11-1963
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền: 5.00

(Cost)

Diễn-lai số: —kiểm

(Quittance n°)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, thị trấn Ny Hòa
Thị xã, quận Qui Nhon
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

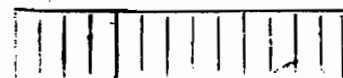
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số: 173

Quyển số: 47



Họ và tên	<u>PHAM MINH TUẤN</u>		Nam, đ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>01 02 1984</u>		
Nơi sinh	<u>BẾN DIỆN NGUYỄN BÌNH CHIỂU</u> <u>BẾN TRE</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc* ngày, tháng, năm sinh)	<u>PHAM VĂN TỰ</u> <u>13-01-47</u>	<u>NGUYỄN THỊ HAI</u> <u>05-07-49</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>	
Nghề nghiệp	<u>TRƯỞNG RỪNG</u>	<u>CÔNG NHÂN ĐIỆN</u>	
Nơi ĐKNK, thường trú	<u>Xã Ny Hòa</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>NGUYỄN THỊ HAI - Vợ TỰ - Công ty</u> <u>Đã đi công tác</u> <u>Số giấy CM 320057190</u>		

NHAN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ny Hòa, ngày 10 tháng 2 năm 1984



Ký tên, đóng dấu

Nguyễn Văn Tự

Trưởng Ban

Thị trấn

Thị trấn

Đứng ký ngày 10 tháng 2 năm 1984

T.M: U.B.N.D Ny Hòa ký tên, đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy viên UBND
(Đã ký tên và đóng dấu)

HUYỀN THỊ AN

FI LUCA DUONG

BALDWIN PARK
CA

MAR 20 1990

TO : KHUE MINH THU

P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635

COMPUTERIZED

4/90

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 4/30/90
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter